

BÁO CÁO THU CHI QUẢN CƠM 2000đ CẦN THƠ THÁNG 03.2019

Đvt: đồng

Ngày phát sinh	Chi Tiết	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú: số phần cơm/khác
Số dư quỹ đầu tháng 03/2019				-14,727,310	
1/3/2019	Tiền thuê nhà tháng 03/2019		5,000,000	-19,727,310	
	Tiền bán cơm	182,000		-19,545,310	91
	Chi phí		690,000	-20,235,310	-
2/3/2019	Tập thể HS lớp 8/1 Trường Nguyễn Văn Tổ (Q10 - TPHCM) ủng hộ KTX	3,115,000		-17,120,310	
	Anh Đoàn Dũng (Q1- TPHCM) ủng hộ KTX	2,000,000		-15,120,310	
	Chị Vân Triệu (Q1- TPHCM) ủng hộ KTX	2,600,000		-12,520,310	
4/3/2019	Tiền bán cơm	208,000		-12,312,310	104
	Chi phí		322,000	-12,634,310	-
5/3/2019	Anh Oai (Q10- TPHCM) ủng hộ KTX	1,000,000		-11,634,310	
6/3/2019	Tiền bán cơm	234,000		-11,400,310	117
	Chi phí		1,290,000	-12,690,310	-
8/3/2019	Tiền bán cơm	240,000		-12,450,310	120
	Chi phí		1,495,000	-13,945,310	-
9/3/2019	Chị Hằng (TV Nghệ An) ủng hộ KTX	2,000,000		-11,945,310	
10/3/2019	Chị Bích (Ninh Thuận) ủng hộ KTX	500,000		-11,445,310	
11/3/2019	Tiền bán cơm	180,000		-11,265,310	90
	Chi phí		1,010,000	-12,275,310	-
	Chị Thủy (Bình Chánh - TPHCM) ủng hộ KTX	500,000		-11,775,310	
13/03/2019	Tiền bán cơm	220,000		-11,555,310	110
	Chi phí		1,170,000	-12,725,310	-

14/03/2019	Anh(chị) Phan Như Minh (Tân Phú - TPHCM) ủng hộ KTX	1,000,000		-11,725,310	
	Anh (chị) Hàn Nguyễn Ngọc Thuận (Bình Tân - TPHCM) ủng hộ KTX	500,000		-11,225,310	
	Chị Mỹ Hạnh (Q7- TPHCM) ủng hộ KTX	500,000		-10,725,310	
15/03/2019	Tiền bán cơm	230,000		-10,495,310	115
	Chi phí		759,000	-11,254,310	
	Anh Hồ Văn Minh (Q7- TPHCM) ủng hộ KTX	2,000,000		-9,254,310	1,000
	Chi sửa cống		1,000,000	-10,254,310	
18/03/2019	Tiền bán cơm	180,000		-10,074,310	90
	Chi phí		1,485,000	-11,559,310	-
19/03/2019	Chị Huỳnh Thị Yến Xuân (TPHCM) ủng hộ KTX	1,000,000		-10,559,310	
	Anh Dương Ngọc Hưng (Q10- TPHCM) ủng hộ 50AUD	810,000		-9,749,310	
	Chị Michele du CMTX T3	1,000,000		-8,749,310	
20/03/2019	Tiền bán cơm	202,000		-8,547,310	101
	Chi phí		1,175,000	-9,722,310	-
22/03/2019	Tiền bán cơm	210,000		-9,512,310	105
	Chi phí		540,000	-10,052,310	-
25/03/2019	Tiền bán cơm	206,000		-9,846,310	103
	Chi phí		865,000	-10,711,310	-
27/03/2019	Tiền bán cơm	224,000		-10,487,310	112
	Chi phí		765,000	-11,252,310	-
29/03/2019	Tiền bán cơm	198,000		-11,054,310	99
	Chi phí		764,000	-11,818,310	-
	Chi lương tháng 03/2019		6,280,000	-18,098,310	
Số dư quỹ cuối tháng 03/2019		21,239,000	24,610,000	-18,098,310	

Chi tiết	Thu	Chi	Tồn	số phần cơm
Số dư quỹ đầu tháng 03/2019			-14,727,310	
KTX	17,525,000		2,797,690	
CMTX	1,000,000		3,797,690	
Tiền bán cơm	2,714,000		6,511,690	1,357
Tổng chi phí trong tháng		24,610,000	-18,098,310	
Số dư quỹ cuối tháng 03/2019	21,239,000	24,610,000	-18,098,310	

CHI TIẾT CHI PHÍ				
1/3/2019	Tiền thuê nhà tháng 03/2019		5,000,000	5,000,000
Tổng				5,000,000
1/3/2019	Đùi gà	10	55,000	550,000
	Dưa leo	10.0	7,000	70,000
	Nước suối (bình)	5.0	8,000	40,000
	Chuối	-		30,000
Tổng				690,000
4/3/2019	Mắm	1	60,000	60,000
	Trứng (cái)	20	2,000	40,000
	Bầu	12	8,000	96,000
	Thịt xay	1.5	84,000	126,000
Tổng				322,000

6/3/2019	Thịt	10	76,000	760,000
	Trứng (cái)	100	1,500	150,000
	Su su	15	5,000	75,000
	Chuối			40,000
	Tiền điện: tháng 03/2019			265,000
Tổng				1,290,000
8/3/2019	Đùi gà	15	52,000	780,000
	Giấy ăn (cây)	1	95,000	95,000
	Tiền nước tháng 2 & 3/2019 (190.000 + 250.000)			440,000
	Bí đao	5	8,000	40,000
	Bắp cải	10	10,000	100,000
	Chuối			40,000
Tổng				1,495,000
11/3/2019	Thịt quay	4	200,000	800,000
	Dưa cải	3.5	20,000	70,000
	Dưa leo	15	6,667	100,000
	Chuối			40,000
Tổng				1,010,000
13/03/2019	Vịt	15	65,000	975,000
	Gừng	0.5	40,000	20,000
	Củ hành tím	2	15,000	30,000
	Chuối			40,000
	Su su	15	5,000	75,000
	Tỏi	1	30,000	30,000
Tổng				1,170,000

15/03/2019	Mắm	2	60,000	120,000
	Thịt xay	4	76,000	304,000
	Trứng (cái)	100	1,500	150,000
	Dưa leo	10	7,000	70,000
	Củ sắn	5	7,000	35,000
	Hành	1	20,000	20,000
	Bánh xốp			60,000
Tổng				759,000
18/03/2019	Vịt quay	5	140,000	700,000
	Cải muối	3	20,000	60,000
	Hành	1	20,000	20,000
	Su su	15	5,000	75,000
	Chuối			30,000
	Bọc	5	42,000	210,000
	Túi rác	6	65,000	390,000
Tổng				1,485,000
20/03/2019	Thịt quay	5	120,000	600,000
	Trứng (cái)	150	2,000	300,000
	Đường (cây)	1	145,000	145,000
	Cải dún	5	6,000	30,000
	Dưa leo	10	7,000	70,000
	Chuối			30,000
Tổng				1,175,000
22/03/2019	Mắm	2	60,000	120,000
	Dưa leo	10	7,000	70,000
	Thịt xay	4	80,000	320,000
	Chuối			30,000
Tổng				540,000

25/03/2019	Đùi gà	12	60,000	720,000
	Muróp	20	5,000	100,000
	Rau răm	1	15,000	15,000
	Chuối			30,000
Tổng				865,000
27/03/2019	Thịt quay	5	120,000	600,000
	Su su	15	5,000	75,000
	Dưa cải	3	20,000	60,000
	Chuối			30,000
Tổng				765,000
29/03/2019	Mắm	2	60,000	120,000
	Trứng (cái)	100	2,000	200,000
	Thịt xay	4	80,000	320,000
	Hành	1	24,000	24,000
	Bí đao	10	7,000	70,000
	Chuối			30,000
Tổng				764,000
CHI LƯƠNG		Ngày công (buổi)	Mức lương	Thành tiền
29/03/2019	Chi lương tháng 03/2019			
	Kim Quyên			4,000,000
	Bích vân			1,500,000
	Nguyễn Thị Hòa	13	60,000	780,000
Tổng				6,280,000
TỔNG CỘNG				23,610,000